

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày: 22/3/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Duy Cừ

- Ông Nguyễn Hữu Nhị

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thu Hường, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 08/3/2024 đối với bị cáo:

Trần Thị N, Sinh ngày: 09/02/1982; Nơi sinh: huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn H và bà: Nguyễn Thị L; Chồng: Nguyễn Văn T; Con: có 04 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 23/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú đến nay tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đâu Quốc H1; sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trú tại: Số A, ngách B ngõ F, đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Anh Trương Quang P; sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

3. Chị Trương Thị Kim M; sinh năm 1951; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trú tại: thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

* **Người làm chứng:** Chị Điện Khánh C1; sinh năm 1987; Trú tại: tổ dân phố E, trị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 25/10/2023 đến 17/11/2023 trên địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh Trần Thị N đã cho anh Đậu Quốc H1 (sinh năm 1985, trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) vay tiền để thu lãi với lãi suất cao từ 109,5%/năm đến 126%/năm (gấp 5,475 đến 6,3% mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự), cao hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 72.526.200 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 23/10/2023, anh Đậu Quốc H1 sử dụng tài khoản zalo “Hoàn” đăng ký từ số điện thoại 0828558886 nhắn tin vào tài khoản zalo “Hoài Nam” của Trần Thị N đăng ký từ số điện thoại 0888232291. Anh H1 hỏi vay Trần Thị N số tiền 500.000.000 đồng, N đồng ý cho anh H1 vay số tiền trên với mức tiền lãi 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày và phải thế chấp tài sản để đảm bảo. Đến ngày 25/10/2023, anh H1 điều khiển xe Mercedes GLC 300 màu trắng chưa đăng ký biển số của anh H1 đến nhà N tại số D T, xã T, thành phố H để vay tiền. Tại đây, anh H1 viết giấy vay số tiền 500.000.000 đồng và giao xe ô tô cho N. Lúc này, N sử dụng tài khoản ngân hàng V số 1298266666 mang tên TRAN THI NAM thông qua ứng dụng Internetbanking chuyển vào số tài khoản ngân hàng B số 52010006868686 mang tên DAU QUOC HOAN số tiền 499.999.999 đồng (do tài khoản chuyển bị hạn mức nên chỉ chuyển được 499.999.999 đồng). Đến ngày 02/11/2023, anh H1 nhắn tin cho N để thanh toán tiền gốc và lãi thì Nam tính số tiền lãi trong vòng 09 ngày (từ ngày 25/10/2023 đến ngày 02/11/2023) là 13.500.000 đồng. Sau đó, anh H1 sử dụng tài khoản ngân hàng V số tài khoản 3479797979 mang tên DAU QUOC HOAN của H1 thông qua ứng dụng Internetbanking chuyển vào tài khoản ngân hàng V số 1298266666 Trần Thị N số tiền 513.500.000 đồng trong đó thanh toán 500.000.000 đồng tiền gốc và 13.500.000 đồng tiền lãi. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị N được phép thu là 2.465.800 đồng. Như vậy, số tiền mà Trần Thị N đã thu lợi bất chính là 13.500.000 đồng - 2.465.800 đồng = 11.034.200 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 16/11/2023, anh Đậu Quốc H1 liên lạc qua zalo hỏi Trần Thị N vay số tiền 1.500.000.000 đồng thì N đồng ý cho anh H1 vay và nói “ tiền đợt này hiếm nên lãi suất có thể cao hơn”, ý của N là lãi suất sẽ cao hơn mức lãi 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày mà N đã cho anh H1 vay trước đây nhưng lãi suất cụ thể như thế nào thì N chưa nói và anh H1 đồng ý vay. Vào chiều tối ngày 17/11/2023, anh H1 điều khiển xe ô tô Mercedes GLC 300 màu trắng chưa đăng ký biển số đến nhà N để vay tiền. Anh H1 viết giấy vay số tiền 1.500.000.000 đồng và giao xe ô tô cho N giữ. Sau đó, N sử dụng tài khoản ngân hàng V số 1298266666 mang tên TRAN THI NAM chuyển vào tài khoản ngân hàng V số tài khoản 3479797979 mang tên Đậu Quốc H1 số tiền

1.500.000.000 đồng. Đến ngày 30/11/2023, anh H1 nhắn tin cho N để thanh toán tiền gốc và lãi. N nói H1 với khoản vay 1.500.000.000 đồng từ ngày 17/11/2023 đến ngày 30/11/2023 số tiền lãi là 73.000.000 đồng. Sau đó, anh H1 sử dụng tài khoản ngân hàng V số tài khoản 3479797979 mang tên DAU QUOC HOAN của H1 thông qua ứng dụng Internetbanking chuyển vào tài khoản ngân hàng V số 1298266666 Trần Thị N số tiền 1.571.000.000 đồng, gồm thanh toán tiền gốc 1.500.000.000 đồng và 71.000.000 đồng tiền lãi, do chưa đủ tiền nên anh H1 xin nợ 2.000.000 đồng thì N đồng ý, anh H1 nhận lại xe ô tô từ N. Đến thời điểm bị bắt ngày 15/12/2023, anh H1 chưa trả cho N số tiền lãi 2.000.000 đồng còn nợ. Đối với khoản vay trên, số tiền lãi tối đa theo quy định của pháp luật dân sự mà Trần Thị N được phép thu là 11.506.000 đồng. Như vậy, số tiền mà Trần Thị N đã thu lợi bất chính là 71.000.000 đồng – 11.506.000 đồng = 59.494.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 02 lần Trần Thị N cho anh Đậu Quốc H1 vay là 2.000.000.000 đồng, Trần Thị N thu lợi bất chính 70.528.200 đồng. Số tiền gốc 2.000.000.000 đồng anh H1 đã thanh toán cho Trần Thị N.

Ngoài ra, Trần Thị N còn cho anh Trương Quang P (sinh năm 1990) và bà Trương Thị Kim M (sinh năm 1951) đều trú tại thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh vay tiền với mức tiền lãi 2.000 đồng/1triệu/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 73%/năm, cao gấp 3.65 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Vào ngày 03/11/2023, anh Trương Quang P hỏi vay Trần Thị N số tiền 10.000.000 đồng, N đồng ý cho vay với lãi suất là 2.000 đồng/1triệu/1 ngày, tương ứng với lãi suất 73%/01 năm. Mỗi tháng anh P phải thanh toán cho N 600.000 đồng tiền lãi. Sau đó N sử dụng tài khoản ngân hàng V số 1298266666 mang tên TRAN THI NAM chuyển vào tài khoản ngân hàng M1 số 7772687777 mang tên TRUONG QUANG PHUC số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 11/12/2023, anh P gặp N thanh toán 10.000.000 gốc và 740.000 đồng tiền lãi của 37 ngày vay.

- Vào ngày 01/7/2023, bà Trương Thị Kim M hỏi vay Trần Thị N số tiền 50.000.000 đồng, N đồng ý cho vay với lãi suất là 2.000 đồng/1triệu/1 ngày, tương ứng với lãi suất 73%/01 năm. Mỗi tháng bà M phải thanh toán cho N 3.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, N đưa trực tiếp cho bà M số tiền 50.000.000 đồng. Đến tháng 12/2023, bà M thanh toán tổng 05 tháng tiền lãi với số tiền 15.000.000 đồng và trả 50.000.000 đồng tiền gốc cho N.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-TPHT ngày 02/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Trần Thị Nam về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 70.528.200 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Thị N đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Quốc H1. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Quốc H1 yêu cầu được nhận lại và bị cáo đã hoàn trả đầy đủ số tiền trên cho anh H1 là đúng quy định pháp luật; Đối với số tiền 13.971.800 đồng là khoản tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo Trần Thị N đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Quốc H1, đây là số tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước; Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng (tiền gốc) của bị cáo Trần Thị N, đây là khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Do anh Đậu Quốc H1 đã trả đủ số tiền trên cho bị cáo Trần Thị N nên cần truy thu số tiền này từ bị cáo N và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong phần lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Kiểm sát viên và cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về chứng cứ xác định tội danh:

2.1 Tại phiên tòa, Trần Thị N khai nhận: Trong thời gian từ ngày 25/10/2023 đến ngày 17/11/2023 trên địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Thị N đã cho anh Đậu Quốc H1 vay tổng số tiền 2.000.000.000 đồng với mức lãi suất cao từ 109,5%/năm đến 126%/năm (các khoản cho vay lãi suất đều cao hơn gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự); số tiền lãi mà Trần Thị N đã thu là 84.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa được thu theo quy định pháp luật là 13.971.800 đồng (không quá 20%/năm). Tổng số tiền Trần Thị N thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền là 70.528.200 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo Trần Thị N cho người khác vay tiền với lãi suất cao hơn 5 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân

sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. T1 lợi bất chính số tiền 70.528.200 đồng. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Trần Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

2.2. Đối với hành vi cho anh Trương Quang P và bà Trương Thị Kim M vay tiền nhưng với lãi suất không quá 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nên Cơ quan điều tra đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Trần Thị N về hành vi trên là phù hợp.

[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

3.1. Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, tự nguyện hoàn trả số tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

3.2. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo là phụ nữ nuôi bốn con còn nhỏ, phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bản thân bị cáo đã tự nguyện hoàn trả số tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ nghiêm.

[4]. *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị N là đúng pháp luật.

[5]. *Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị đối với bị cáo Trần Thị N là thỏa đáng.

[6]. *Về biện pháp tư pháp:*

6.1. Đối với số tiền gốc 2.000.000.000 đồng mà bị cáo Trần Thị N sử dụng cho anh Đậu Quốc H1 vay với lãi suất cao gấp hơn 5 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Số tiền trên bị cáo đã thu về nên cần truy thu tại bị cáo Trần Thị N.

6.2. Đối với khoản tiền lãi 70.528.200 đồng mà bị cáo Trần Thị N đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Quốc H1 vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, thì cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Quá trình điều tra bị cáo Trần Thị N đã tự nguyện hoàn trả số tiền thu lợi bất chính trên cho anh Đậu Quốc H1 là đúng quy định pháp luật.

6.3. Đối với khoản tiền lãi 13.971.800 đồng, không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo N đã thu của anh Đâu Quốc H1. Đây là số tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 02 tờ giấy với nội dung thể hiện việc vay tiền giữa anh Đâu Quốc H1 và Trần Thị N; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Galxy M62 thu giữ tại bị cáo Trần Thị N là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; tịch thu và tiêu hủy: 01 thẻ sim số 0888232291, 01 thẻ ATM ngân hàng V mang tên TRAN THI NAM là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố Trần Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Trần Thị N 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự: truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc 2.000.000.000 đồng mà bị cáo Trần Thị N sử dụng cho anh Đâu Quốc H1 vay với mức lãi suất cao gấp hơn 5 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là khoản tiền mà bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Trần Thị N đã thu về đủ số tiền 2.000.000.000 đồng nên truy thu số tiền 2.000.000.000 đồng tại bị cáo Trần Thị N.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự: truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.971.800 đồng tại bị cáo Trần Thị N, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Galxy M62 thu giữ tại bị cáo Trần Thị N là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; tịch thu và tiêu hủy: 01 thẻ sim số 0888232291, 01 thẻ ATM ngân hàng V mang tên TRAN THI NAM là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng; Áp dụng khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 02 tờ giấy với nội dung thể hiện việc vay tiền giữa anh Đâu Quốc H1 và Trần Thị N.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2024 giữa cán bộ Công an thành phố H và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh; biên bản giao nhận ngày 05/02/2024 giữa cán bộ Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh và cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- CQĐT CATP Hà Tĩnh;
- T.H.A.P.T;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- CQTHADS T.P Hà Tĩnh;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng